TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 257/2023/DS-ST
Ngày: 09-8-2023
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Thạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Rành

2. Ông Hồ Hoàng Việt

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Hà Trang - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Gấm – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 282/2020/TLST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 168/2023/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 166/2023/QĐST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N

Trụ sở: Số 02 đường L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phạm Huy H, sinh năm 1996 (Giấy ủy quyền số 497/NHNo CN7-TH ngày 02/11/2020 của Ngân hàng N - Chi nhánh 7).

Địa chỉ: Số 40/2 đường Nguyễn Văn L, phường T, Quận b, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: - Ông Lê Thành N, sinh năm 1973

- Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1973

Cùng địa chỉ: Số 15C đường H, khu phố 1, phường Phú T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(ông Phạm Huy H có mặt tại phiên tòa; ông Lê Thành N và bà Nguyễn Thị N vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/8/2020 của nguyên đơn Ngân hàng N (sau đây viết tắt là AB) và quá trình giải quyết vụ án ông Phạm Huy H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 13/10/2010, ông Lê Thành N và bà Nguyễn Thị N đã ký Hợp đồng tín dụng số 6170-LAV-201000288/HĐTD với AB để vay số tiền 8.000.000.000 (tám tỷ) đồng; mục đích để thanh toán tiền mua nhà ở. Thời hạn vay 12 tháng, kể từ ngày bên vay nhận tiền vay lần đầu. Ngày nhận tiền vay lần đầu ngày 13/10/2010. Lãi suất cho vay cố định 14,5%/năm. Phương thức thanh toán: Trả lãi theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 10 tây hàng tháng. Lãi suất quá hạn bằng 150 % lãi suất cho vay trong hạn. Ngày 09/11/2010, lãi suất cho vay được sửa đổi 1,4%/tháng áp dụng từ ngày 09/11/2010; lãi suất cho vay được điều chỉnh theo thông báo lãi suất cho vay của AB áp dụng tại từng thời điểm theo Phụ lục Hợp đồng (của Hợp đồng tín dụng số 6170-LAV-201000288/HĐTD ngày 13/10/2010) số 01/PLHĐ ngày 09/11/2010.

Tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản vay là nhà ở và đất ở tọa lạc tại số 112 Nguyễn Thị Thập, phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, thuộc thửa đất số 54, tờ bản đồ 47 (p.BT).

Thực hiện Hợp đồng tín dụng, AB đã giải ngân cho ông Lê Thành N và bà Nguyễn Thị N nhận đủ số tiền là 8.000.000.000 (tám tỷ) đồng vào ngày 13/10/2010. Theo thỏa thuận tại điều 3 của Hợp đồng tín dụng thì thời hạn tất toán Hợp đồng sẽ được xác định vào ngày 13/10/2011.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Lê Thành N và bà Nguyễn Thị N chỉ thanh toán được khoản tiền lãi với số tiền là 1.262.661.769 đồng, sau đó thì ngưng không thanh toán. Do ông Lê Thành N và bà Nguyễn Thị N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc kể từ ngày 13/10/2011 và nợ lãi chưa thanh toán từ ngày 10/08/2011, nên AB đã phối hợp theo đề nghị và ủy quyền của chủ sở hữu tài sản thế chấp (bên bảo lãnh), tiến hành xử lý tài sản thế chấp theo thủ tục bán đấu giá, kết quả bán đấu giá thành với giá là 6.763.000.000 đồng. Sau khi trừ chi phí, ngày 16/7/2015 AB đã thu hồi phần nợ gốc được số tiền là 6.590.988.550 đồng. Tính đến hết ngày 12/6/2023, ông Lê Thành N và bà Nguyễn Thị N còn nợ AB tổng số tiền là 7.203.795.479 đồng (trong đó: nợ gốc là 1.409.011.450 đồng và tiền lãi là 5.794.784.029 đồng).

Do ông Lê Thành N và bà Nguyễn Thị N vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín dụng số 6170-LAV-201000288/HĐTD ngày 13/10/2010; Phụ lục Hợp đồng (của Hợp đồng tín dụng số 6170-LAV-201000288/HĐTD ngày 13/10/2010) số 01/PLHĐ ngày 09/11/2010, không trả nợ gốc và lãi như đã cam kết, mặc dù AB đã đôn đốc nhiều lần nhưng không kết quả, nên AB yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Thành N và bà Nguyễn Thị N phải trả ngay cho AB tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 12/6/2023 là 7.203.795.479 đồng (trong đó:

tiền nợ gốc là 1.409.011.450 đồng và tiền lãi là 5.794.784.029 đồng). Trả một lần ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, ông Lê Thành N và bà Nguyễn Thị N còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên nợ gốc chưa thanh toán tính từ ngày 13/6/2023 đến ngày ông N và bà N thanh toán hết nợ gốc cho AB, theo lãi suất nợ quá hạn do ông N và bà N đã thỏa thuận với AB tại Hợp đồng tín dụng và Phụ lục Hợp đồng đã ký nêu trên.

** Về phía bị đơn ông Lê Thành N và bà Nguyễn Thị N:* Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập nhưng không đến Tòa án và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 20/4/2023 và ngày 12/6/2023, do ông Lê Thành N và bà Nguyễn Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt không lý do, nên Tòa án không tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Ông Phạm Huy H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Về tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản vay là nhà ở và đất ở tọa lạc tại số 112 Nguyễn Thị Thập, phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, thuộc thửa 54, tờ bản đồ 47 (p.BT) (theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hình hành trong tương lai của bên thứ ba, số 6170-LCP-201000406 lập ngày 13/10/2010) đã xử lý xong từ năm 2015, bằng hình thức bán đấu giá, theo Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá số 25/2014/ HĐMBTS ngày 02/7/2015 và Biên bản bán đấu giá tài sản ngày 02/7/2015.

Về khoản nợ, do Phòng kế hoạch kinh doanh của AB có nhầm lẫn về số liệu khi cung cấp số liệu vào ngày 12/6/2023. Nay ông xác định lại về số liệu và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của AB, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Thành N và bà Nguyễn Thị N phải thanh toán cho AB toàn bộ nợ gốc và tiền lãi tạm tính đến hết ngày 09/8/2023 với tổng số tiền là 6.930.411.523 đồng (trong đó nợ gốc là 1.409.011.450 đồng và tiền lãi là 5.521.400.073 đồng). Ngoài ra, ông Lê Thành N và bà Nguyễn Thị N còn phải chịu tiền lãi phát sinh trên tiền nợ gốc chưa thanh toán từ ngày 10/8/2023 đến ngày ông Lê Thành N và bà Nguyễn Thị N thanh toán hết nợ gốc cho AB theo mức lãi suất nợ quá hạn do AB và ông N với bà N đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 6170-LAV-201000288/HĐTD ngày 13/10/2010 và Phụ lục Hợp đồng (của Hợp đồng tín dụng số 6170-LAV-201000288/HĐTD ngày 13/10/2010) số 01/PLHĐ ngày 09/11/2010.

- Về phía bị đơn là ông Lê Thành N và bà Nguyễn Thị N: Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2, nhưng vắng mặt không lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát:

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý; việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xác minh, thu thập

chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ Điều 93 đến 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho các đương sự đúng quy định tại Điều 195, Điều 196 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Tại phiên tòa: Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định chung về phiên tòa sơ thẩm, thủ tục bắt đầu phiên tòa, đảm bảo việc tranh tụng tại phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Bị đơn không thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 vì vắng mặt không lý do trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án mặc dù đã được triệu tập hợp lệ;

- Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của của nguyên đơn yêu cầu ông Lê Thành N và bà Nguyễn Thị N phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ tính đến hết ngày 09/8/2023 với tổng số tiền là 6.930.411.523 đồng (trong đó nợ gốc là 1.409.011.450 đồng và tiền lãi là 5.521.400.073 đồng).

Về án phí: Ông Lê Thành N và bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: AB khởi kiện yêu cầu ông Lê Thành N và bà Nguyễn Thị N phải trả các khoản nợ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 6170-LAV-201000288/HĐTD ngày 13/10/2010; Phụ lục Hợp đồng (của Hợp đồng tín dụng số 6170-LAV-201000288/HĐTD ngày 13/10/2010) số 01/PLHĐ ngày 09/11/2010. Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng tín dụng. Bị đơn có địa chỉ tại Quận 7, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự có mặt của đương sự: Ông Lê Thành N và bà Nguyễn Thị N được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về áp dụng pháp luật: Xét Hợp đồng tín dụng số 6170-LAV-201000288/HĐTD ngày 13/10/2010; Phụ lục Hợp đồng (của Hợp đồng tín dụng số 6170-LAV-201000288/HĐTD ngày 13/10/2010) số 01/PLHĐ ngày

09/11/2010 và Chứng từ giao dịch (giải ngân) số seri: 617010J000002434 ngày 13/10/2010 giữa AB và ông Lê Thành N với bà Nguyễn Thị N có hiệu lực kể từ ngày ký và đang thực hiện. Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án;

[4] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[4.1] Đối với yêu cầu khởi kiện của AB về việc buộc ông Lê Thành N và bà Nguyễn Thị N phải thanh toán một lần toàn bộ nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến hết ngày 09/8/2023 số tiền là 6.930.411.523 đồng (trong đó nợ gốc là 1.409.011.450 đồng và tiền lãi là 5.521.400.073 đồng). Ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật và tính từ ngày 10/8/2023, ông N và bà N còn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Phụ lục Hợp đồng nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.2] Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 6170-LAV-201000288/HĐTD ngày 13/10/2010; Phụ lục Hợp đồng (của Hợp đồng tín dụng số 6170-LAV-201000288/HĐTD ngày 13/10/2010) số 01/PLHĐ ngày 09/11/2010 và Chứng từ giao dịch (giải ngân) số seri: 617010J000002434 ngày 13/10/2010 đã có đủ cơ sở xác định ông Lê Thành N và bà Nguyễn Thị N có vay của AB – Chi nhánh Quận 7 tổng số tiền là 8.000.000.000 đồng với mục đích để thanh toán tiền mua nhà ở. Theo Hợp đồng tín dụng và Phụ lục Hợp đồng, các bên thỏa thuận về lãi suất cho vay, lãi suất nợ quá hạn phù hợp quy định tại Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

[4.3] Căn cứ Sổ giao dịch tiền vay khách hàng Lê Thành N (từ ngày 13/10/2010 đến ngày 31/7/2020) của AB Chi nhánh 7 xác định từ ngày 19/11/2010 đến ngày 09/11/2011 ông Lê Thành N đã thanh toán cho AB được số tiền lãi là 1.262.661.769 đồng. Căn cứ Chứng từ giao dịch số hóa đơn: 07160053000021 ngày 16/7/2015 và Chứng từ giao dịch số hóa đơn: 07160053000022 ngày 16/7/2015 thì AB đã thu hồi được phần nợ gốc số tiền là 6.590.988.550 đồng.

[4.4] Căn cứ Bảng tính gốc, lãi khách hàng Lê Thành N (Hợp đồng tín dụng số 6170-LAV-201000288/HĐTD ngày 13/10/2010) của AB, tính đến hết ngày 09/8/2023 thì ông Lê Thành N và bà Nguyễn Thị N còn nợ AB tổng số tiền là 6.930.411.523 đồng (trong đó nợ gốc là 1.409.011.450 đồng và tiền lãi là 5.521.400.073 đồng).

Như vậy, đã có đủ cơ sở xác định ông Lê Thành N và bà Nguyễn Thị N có vay vốn của AB với mục đích thanh toán tiền mua nhà ở, quá trình thực hiện hợp đồng đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại Điều 3 của Hợp đồng tín dụng nêu trên, nên yêu cầu khởi kiện của AB là có căn cứ được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của AB được chấp nhận, nên ông Lê Thành N và bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 114.930.412 (một trăm mười bốn triệu chín trăm ba mươi ngàn bốn trăm mười

hai) đồng, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng N.

Buộc ông Lê Thành N và bà Nguyễn Thị N phải thanh toán cho Ngân hàng N toàn bộ nợ gốc và tiền lãi tạm tính đến hết ngày 09/8/2023 là 6.930.411.523 (sáu tỷ chín trăm ba mươi triệu bốn trăm mười một ngàn năm trăm hai mươi ba) đồng, trong đó nợ gốc là 1.409.011.450 đồng và tiền lãi là 5.521.400.073 đồng. Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 10/8/2023, ông Lê Thành N và bà Nguyễn Thị N còn phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 6170-LAV-201000288/HĐTD ngày 13/10/2010; Phụ lục Hợp đồng (của Hợp đồng tín dụng số 6170-LAV-201000288/HĐTD ngày 13/10/2010) số 01/PLHĐ ngày 09/11/2010 và Chứng từ giao dịch số seri: 617010J000002434 ngày 13/10/2010, giữa Ngân hàng N – Chi nhánh 7 và ông Lê Thành N với bà Nguyễn Thị N cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Các bên đương sự thi hành bản án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí: Ông Lê Thành N và bà Nguyễn Thị N chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 114.930.412 (một trăm mười bốn triệu chín trăm ba mươi ngàn bốn trăm mười hai) đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 57.401.000 (năm mươi bảy triệu bốn trăm lẻ một ngàn) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án

phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/ 0041503 ngày 01/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án sơ thẩm là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP. (TK Hà Trang)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Thạnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA